



ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HƯỚNG TỚI THỊ TRƯỜNG TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG

ThS. NGÔ XUÂN BÌNH

Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin TP.HCM

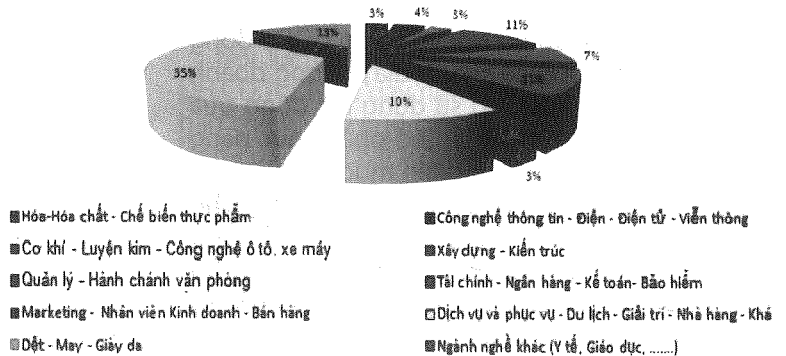
Hiện nay, cả nước ta có 376 trường đại học, cao đẳng và hàng trăm trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, hàng năm đào tạo được hàng chục nghìn lao động. Nhưng nhìn lại thực tế, một tỉ lệ không nhỏ học sinh, sinh viên (HS-SV) sau khi tốt nghiệp chưa có đủ kiến thức và kĩ năng chuyên môn để tham gia thị trường lao động. Đây là sự cách biệt khá lớn giữa đào tạo và sử dụng, giữa cung và cầu về nguồn nhân lực hay nói một cách khác là kết quả giáo dục đào tạo chưa đáp ứng được đòi hỏi của thị trường lao động. Năm 2007, chủ trương “Đào tạo theo nhu cầu xã hội” (ĐTTNCXH) của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD & ĐT) đã được triển khai đến các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề nhằm thu hẹp khoảng cách cung - cầu giữa đào tạo và sử dụng.

1. Thực trạng đào tạo nguồn nhân lực tại Thành phố Hồ Chí Minh

Là trung tâm kinh tế, văn hóa, thương mại, dịch vụ và khoa học công nghệ lớn của cả nước, thành phố Hồ Chí Minh đang đòi hỏi một lực lượng lao động chất lượng cao. Theo số liệu của Ban Quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp thành phố (Hepza), từ 2005 - 2010 các khu chế xuất cần đến 524.000 lao động. Trong giai đoạn 2011-2015, dự kiến tốc độ tăng bình quân chỗ làm việc từ 3% đến 5%/năm cho thấy thành phố sẽ có tổng nhu cầu cung về nhân lực là 280.000 đến 300.000 chỗ làm việc/năm. Trong đó, 80% tổng nhu cầu nhân lực thuộc các nhóm nghề: Quản lý kinh tế - kinh doanh - quản lý chất lượng, du lịch - nhà hàng, bán hàng, nhân viên kinh doanh, dịch vụ - phục vụ, pháp luật, ngoại ngữ, phiên dịch, tài chính, ngân hàng, kế toán kiểm toán, pháp lí... Yêu cầu lao động có trình độ ĐH, CĐ trở lên chiếm khoảng 25%; trung cấp, công nhân kĩ thuật chiếm 30%; sơ cấp nghề, lao động phổ thông chiếm 45%.

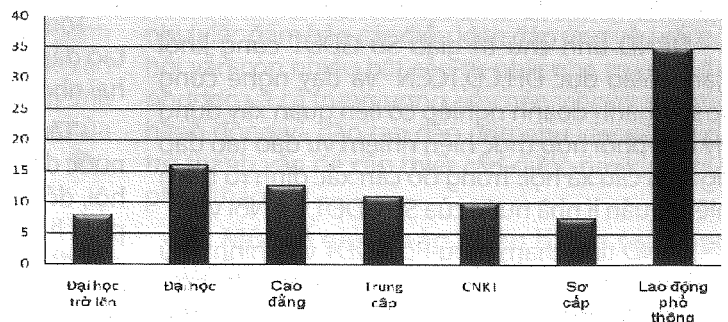
Với chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục trong đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, đặc biệt là tại 15 khu chế xuất (KCX) và khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn thành phố, mạng lưới các trường ngày càng được phát triển và hoàn thiện, nhất là trong những năm gần đây, việc các trường ngoài công lập phát triển nhanh chóng đã làm tăng quy mô giáo dục đào tạo. Đây là một tín hiệu đáng mừng trong việc đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục các bậc học. Song bên cạnh đó, nhìn lại chất lượng đào tạo của ngành học còn phải đặt ra nhiều câu hỏi như: Việc đầu tư cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị đã phù hợp chưa? Kĩ năng giáo dục hướng thị trường lao động có đạt chất lượng hay không? Quả thật, đây là bài toán mà các trường phải đi tìm lời giải đáp. (Xem hình 1 và 2)

Hình 1: Nhu cầu nhân lực theo ngành nghề giai đoạn 2011-2015



Hình 2

Chỉ số nhu cầu về trình độ giai đoạn 2011 - 2015



(Nguồn: FALMI - Sở LĐ-TB & XH TP. HCM)



2. Chất lượng và bảo đảm chất lượng đào tạo

Để giải quyết tốt bài toán chất lượng đào tạo, việc đầu tư cơ sở vật chất, rèn luyện kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm đang là một mô hình kết hợp chuẩn mực và cần thiết.

Về đầu tư

Đây là yếu tố cơ bản để một cơ sở giáo dục tồn tại và phát triển. Việc đầu tư không những phải chú trọng về trường lớp, mà phải quan tâm đến cả nhà xưởng, phòng thí nghiệm, thư viện, các trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập. Cần coi trọng cả việc huy động, phân bổ và quản lý các nguồn đầu tư một cách hiệu quả và hợp lý.

Hiện nay, tại thành phố Hồ Chí Minh các trường đại học lớn như Đại học Bách Khoa, Đại học Khoa học Tự nhiên,... trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng, Lý Tự Trọng, Phú Lâm... đã có cơ sở vật chất tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, các trường ngoài công lập như: Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật TP.HCM, Trung cấp Tây Sài Gòn, Trung cấp Kinh tế Công nghệ Gia Định, Trung cấp Kinh tế và Du lịch Tân Thanh, Trung cấp Ánh Sáng,... vẫn chưa ổn định về mặt bằng, việc trang bị phòng máy tính và các phương tiện khác còn thiếu thốn. (Xem bảng 1)

Bảng 1. Số liệu minh họa về cơ sở vật chất một số trường trung cấp, cao đẳng ngoài công lập tại TP. HCM

Tên trường	Diện tích xây dựng (m ²)	Giảng đường		Phòng học		Thư viện		Phòng thí nghiệm		Xưởng thực hành	
		Số lượng	m ²	Số lượng	m ²	Số lượng	m ²	Số lượng	m ²	Số lượng	m ²
Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật	3187	0	0	27	1630	3	79	0	0	4	169
Trung cấp Tây Sài Gòn	3550	4	400	6	300	1	100	0	0	4	200
Trung cấp Kinh tế Công nghệ Gia Định	720	0	0	10	600	0	0	0	0	2	120
Trung cấp Kinh tế và Du lịch Tân Thanh	2100	0	0	14	1242	1	30	0	0	1	20
Trung cấp Ánh Sáng	3600	2	430	23	2120	1	180	7	470	4	200

2. Kỹ năng nghề nghiệp

Ông Shuzo Kawashima - Tổng giám đốc công ty Fujitsu Computer Vietnam Co.,LTD đã nhận định "Lực lượng lao động còn thiếu kiến thức cơ bản, kiến thức lao động công nghiệp và khiếm khuyết về đào tạo thực hành". Như vậy, rõ ràng ngành giáo dục đào tạo cần phải khắc phục những yếu tố mà nhu cầu thị trường đang cần gồm: đạo đức, kiến thức, kỹ năng

chuyên môn và tác phong công nghiệp. Đồng thời, cũng cần trang bị cho HS-SV các kỹ năng mềm như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử, kỹ năng chăm sóc khách hàng,...

Về đạo đức: Cần phải rèn luyện cho HS-SV lòng yêu Tổ quốc, phẩm chất công dân, tinh thần trách nhiệm, kỹ năng sống và làm việc...;

Về chuyên môn nghề nghiệp: Học phải đi đôi với hành, tránh chỉ chú trọng lý thuyết, ít thực tiễn và ít tiếp cận với các đổi mới về công nghệ;

Về tác phong công nghiệp: Biết tuân thủ các quy định trong làm việc như: thực hiện giờ giấc nghiêm túc, đồng phục gọn gàng và có bảo hộ lao động.

3. Các biện pháp đào tạo theo nhu cầu xã hội

Trong Nghị quyết Hội nghị lần VII Ban Chấp hành Trung ương của Đảng đã khẳng định "Xây dựng chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước về giáo dục đào tạo với các cơ quan quản lý nhân lực và việc làm giữa cơ sở đào tạo với cơ sở sử dụng nhân lực".

Theo GS.TSKH Nguyễn Minh Đường, có 07 lĩnh vực chính trong việc thiết lập mối quan hệ giữa cơ sở đào tạo và cơ sở sản xuất là:

1. Trao đổi thông tin về nhu cầu đào tạo;

2. Cơ sở sản xuất cần tham gia với nhà trường trong việc xây dựng mục tiêu, chuẩn của các cấp trình độ;

3. Các cơ sở sản xuất tham gia với nhà trường trong quá trình tổ chức đào tạo;

4. Các cơ sở sản xuất góp phần kinh phí đào tạo;

5. Liên kết hợp đồng đào tạo;



6. Hướng nghiệp tư vấn nghề và giới thiệu việc làm;

7. Cần có những chính sách và cơ chế hợp lý để thể chế hóa mối quan hệ giữa nhà trường và cơ sở sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phát triển các Khu Chế xuất và Khu Công nghiệp trong quá trình Công nghiệp hoá và Hiện đại hoá. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội 2004.

2. Ngô Xuân Bình. Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đào tạo của Trường Cao đẳng Bán công Công nghệ và Quản trị Doanh nghiệp năm 2006.

3. Nguyễn Minh Đường. Thiết lập mối quan hệ giữa cơ sở đào tạo và cơ sở sản xuất - 35 năm sự nghiệp

Dạy nghề.

4. Trần Khánh Đức. Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI. NXB Giáo dục VN. Hà Nội, 2010.

5. Báo cáo sơ kết học kì I năm học 2010-2011 Ngành giáo dục chuyên nghiệp TP.HCM.

SUMMARY

The article addresses the human resource training meeting the labor market, in this the author discusses the status of training in Ho Chi Minh City and measures for closing the gap between education-training and labor market.

CÁC GIẢI PHÁP... (Tiếp theo trang 57)

- Kết hợp đồng bộ hai nhóm giải pháp có ý nghĩa tăng cường ngoại lực, tích cực phát huy nội lực tạo nên sức mạnh tổng hợp; động lực thúc đẩy mạnh mẽ việc chuyển dịch đào tạo từ chỗ dựa vào khả năng sẵn có (đào tạo theo hướng cung) sang đào tạo theo hướng nhu cầu xã hội (đào tạo theo cầu).

Đó là sự chuyển biến quan trọng nhất, cơ bản và bức bách trong giai đoạn hiện nay, nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đối với địa phương và đất nước thời kì công nghiệp hóa - hiện đại hóa, chủ động hội nhập với khu vực và quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Ái Lâm, Phát triển nguồn nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo kinh nghiệm Đông Nam Á, NXB Khoa học xã hội, 2003.

2. N.H Jean, Lao động việc làm và nguồn nhân lực ở Việt Nam 15 năm đổi mới, NXB Thế giới, 2001.

3. Nguyễn Minh Dũng, Bồi dưỡng và đào tạo lại nguồn nhân lực trong điều kiện mới, NXB Hà Nội, 1996.

4. Phạm Thành Nghị, Vũ Hoàng Ngân, Quản lí nguồn nhân lực ở Việt Nam một số vấn đề và thực tiễn, NXB Khoa học xã hội, 2004.

5. Nguyễn Duy Dũng, Trần Thị Nhung, Phát triển nguồn nhân lực trong các công ti Nhật Bản hiện nay, NXB Khoa học xã hội, 2005...

SUMMARY

From the status of training in Bac Lieu the author proposes 2 groups of measures for meeting social training needs: administrative measures and measures for universities, colleges and vocational – technical schools in Bac Lieu.

VỊ THẾ MÔN VĂN...

(Tiếp theo trang 64)

New Times” giải thích vì sao lại chọn môn học mà dư luận rộng rãi còn lạ lẫm, và có một tên gọi khá mơ hồ: “Môn học “Nước Nga trên thế giới” cần hình thành bức tranh về những thách thức bên ngoài và bên trong đặt ra trước đất nước, và những cách thức giải quyết chúng. Chúng ta cần dạy cho các em học sinh tốt nghiệp trường phổ thông Nga nhìn thế giới xung quanh bằng con mắt của người dân Nga, thông qua lăng kính các quyền lợi dân tộc của nó”. Rất rậm lời và không có gì cụ thể.

Hình như, lại một lần nữa chúng ta sáng chế ra chiếc xe đạp ái quốc. Không một đất nước nào trên thế giới cần đến những môn học tương tự. Còn những tác phẩm của Tolstoy và Dostoyevsky, mà qua đó thế giới hiểu về nước Nga, đối với học sinh trung học phổ thông chúng ta hiện nay lại trở nên không bắt buộc.

SUMMARY

The article presents the discussion of Russian scientists, educators about the exclusion of Literature from the compulsory subjects in the draft secondary curriculum in Russia.